TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2020/QĐST-HNGĐ	*Quan Hóa, ngày 28 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vi Văn H – Sinh năm 1988

Trú tại: Bản Sại, xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Trồng trọt;

Số CMND: ....., cấp ngày ..... Nơi cấp: .....

Bị đơn: Chị Phạm Thị T – Sinh năm 1988

Quê quán: Xã Thiết Kế, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa

Trú tại: Bản Sại, xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Số CCCD: 038188009893, cấp ngày 26/9/2018; Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Căn cứ vào điều 28; điều 35 điều 146, điều 147, điều 212, điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 147, điều 148 và điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 57, điều 58, điều 68, điều 69, điều 71, điều 72, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều điều 3; điều 6; khoản 7 điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vi Văn H, sinh năm 1988 và chị Phạm Thị T, sinh năm 1988.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Vi Văn H và chị Phạm Thị T thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Các đương sự công nhận và thống nhất có 01 con chung, tên cháu là Vi Văn S, sinh ngày 04/7/2008, hiện cháu đang ở với anh Vi Văn H, cháu phát triển bình thường về thể chất và trí lực. Anh Vi Văn H và chị Phạm Thị T thống nhất để anh Vi Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Văn S, sinh ngày 04/7/2008 cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị Phạm Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở và có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thống nhất, chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vi Văn H. Anh Vi Văn H có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Vi Văn H và chị Phạm Thị T đều thống nhất mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Chấp nhận anh Vi Văn H đã nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí HN&GĐ sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004283 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Anh Vi Văn H được nhận lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Chị Phạm Thị T phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Phú Lệ, H. Quan Hóa. T. Thanh Hóa;
- UBND xã Thiết Kế, H. Bá Thước, T. Thanh Hóa;
- Nguyên đơn Vi Văn Hồ;
- Bị đơn Phạm Thị T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng